

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2017/HSST

Ngày: 22/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Duy Niên.
2. Bà Phạm Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2017/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2017/HSST-QĐ ngày 12/9/2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Lê Ngọc C**, sinh năm 1973

Nơi cư trú: thôn B, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Lê Viết N, sinh năm 1943 và bà Trương Thị P, sinh năm 1945.

Có vợ là: Trần Thị Thanh H, sinh năm 1975.

Bị cáo có 01 con, sinh năm 1998.

Nhân thân: năm 1990 đến năm 1993 tham gia nghĩa vụ quân sự.

+ Ngày 29/6/1999 Công an thị xã Thái Bình xử phạt về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐXPHC ngày 25/3/2007 của Phòng PC 17 Công an tỉnh Thái Bình về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2017 đến nay.

2. Bị cáo **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1965

Nơi cư trú: thôn 7B, xã V, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Trình độ văn hóa: Lớp 7/10.

Dân tộc: Kinh;

Quốc tịch: Việt Nam;

Tôn giáo: Không.

Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1938, đã chết và bà Đặng Thị D, sinh năm 1937.

Có vợ là: Nguyễn Thị T, sinh năm 1968

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2017 đến nay.

3. Bị cáo **Lê Ngọc H**, sinh năm: 1968

Nơi cư trú: thôn B, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Trình độ văn hóa: Lớp 7/10.

Dân tộc: Kinh;

Quốc tịch: Việt Nam;

Tôn giáo: Không.

Con ông Lê Ngọc K, đã chết và bà Đoàn Thị C, sinh năm 1940.

Có vợ là: Nguyễn Huỳnh Thiên K, sinh năm 1974

Bị cáo có 01 con, sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2017 đến nay.

(Các bị cáo C, T, H được trích xuất, có mặt tại phiên tòa)

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1975, Nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Có mặt.

* Người làm chứng:

- Anh Mai Xuân L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

- Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 14/6/2017, Lê Ngọc H đang ở nhà của mình ở thôn B, xã V, huyện Vũ Thư thì có anh Mai Xuân L, sinh năm 1973, trú tại thôn Đ, xã V, huyện Vũ Thư đến chơi. Khi anh L đang ngồi trong nhà uống nước, H đang dọn dẹp ngoài sân thì Lê Ngọc C đến sân và nói: *“Tao say lắm rồi, có làm tý về chơi không”*, ý Châu hỏi H đi mua Hêrôin về cùng sử dụng, H không nói gì, C mượn điện thoại của H gọi cho T. H hỏi: *“Gọi T đi lấy hàng à”*, C hiểu ý H hỏi là gọi điện cho T rủ đi mua ma túy, C gật đầu. C lấy điện thoại của H bấm số gọi cho T và nói *“C đây, có làm tý không thì sang nhà H”*, T trả lời: *“Tao không có đồng nào đâu”*, C liền nói: *“Đây tao có tiền rồi, ra đây làm tý về chơi, anh đến đi”*, T đáp: *“Ừ chờ tao tí, rồi tao đến ngay”*. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày T đi xe mô tô Biển số đăng ký 17H1-9xxx đến sân nhà H thì C đi từ trong nhà ra nói với T: *“Ông đi làm tí về chơi”*, ý C nói T đi mua ma túy về sử dụng, T đáp: *“Ừ, đưa tiền đây”*. C liền đi vào phòng khách nói với anh L: *“Mày có tiền không cho tao vay 200.000 đồng”*, anh L không hỏi gì, lấy 200.000 đồng gồm 02 tờ mệnh giá 100.000 đồng đưa cho C, C nhận tiền rồi cầm ra ngoài sân đưa cho T và nói: *“Tiền đây, anh đi đi”*. T cầm tiền và bảo H: *“VẬY H ĐI CÙNG TÔI CHO VUI”*, H không nói gì, T liền nói: *“ông chỉ việc ngồi sau thôi mà”*, H liền trả lời: *“Ừ thế tao đi, đi thì đi”*. T điều khiển xe mô tô biển số đăng ký 17H1-xxx chở H ngồi phía sau khi đến chợ Đ, thành phố Thái Bình, H có hỏi T *“hay là ở chỗ này”*, T không nói gì mà tiếp tục điều khiển xe đến bến xe khách Hoàng Hà thuộc phường T, thành phố Thái Bình mua một người phụ nữ khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ 200.000 đồng được 01 gói Hêrôin gói bằng nilon màu đen. Sau khi nhận gói Hêrôin, T đưa lại cho H, H có hỏi *“Đây là hàng cầm à?”*, T trả lời *“Cứ cầm lấy tí về nhà chơi”*, H biết rõ đó là gói Hêrôin nhưng vẫn cầm mục đích về nhà để cùng T và C cho sử dụng chung. Sau khi mua được Hêrôin, T điều khiển xe chở H cầm gói Hêrôin trong lòng tay trái đi về nhà H. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày khi về đến nhà H, H cầm gói Hêrôin đặt lên mặt bàn uống nước thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư bắt quả tang. Thu giữ trên mặt bàn uống nước nhà H 01 gói Hêrôin có trọng lượng 0,3189 gam, được gói bằng nilon màu đen. Ngoài ra còn quản lý của T và H mỗi người 01 điện thoại Nokia vỏ nhựa màu đen, 01 xe mô tô biển số đăng ký 17H1-xxxx của T, 01 xe mô tô Biển số đăng ký 17B9-xxxx của C.

Kết luận giám định số 239/KLGD - PC54 ngày 15/6/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình kết luận: *Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Heroine (Hêrôin) có trọng lượng 0,3189 gam (không phải ba nghìn một trăm tám mươi chín gam). Heroine STT: 20, Danh mục I, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ.*

Tại phiên tòa, cả ba bị cáo đều khai nhận về hành vi phạm tội như trên.

Lời khai của những người làm chứng: anh Mai Xuân L, sinh năm 1973, trú tại thôn Đ, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình và anh Lê Minh Đ, sinh ngày 1970, trú tại thôn B, xã V, huyện Vũ Thư; Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư lập hồi 13 giờ 50 phút ngày 14/6/2017 và biên bản niêm phong vật chứng do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư lập hồi 16 giờ 25 phút ngày 14/6/2017 tại nhà ở của bị cáo Lê Ngọc H đều thể hiện như lời khai của các bị cáo.

Bản Cáo trạng số 70/KSĐT ngày 29 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư truy tố các bị cáo: Lê Ngọc C, Nguyễn Văn T và Lê Ngọc H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 249, Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với riêng bị cáo C) để xử phạt bị cáo Lê Ngọc C, Nguyễn Xuân T, Lê Ngọc H mỗi bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự để: Tịch thu, tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định. Tịch thu sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động Nokia màu đen của bị cáo T và bị cáo H.

Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Vũ Thư trả 01 xe mô tô biển số đăng ký 17B9-xxxx, cho chị Trần Thị Thanh H và tách ra xử lý, giải quyết sau đối với 01 xe mô tô biển đăng ký 17H1-xxxx thu của bị cáo T.

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho các bị cáo, quá trình điều tra chưa xác định được người phụ nữ này để xử lý, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Mai Xuân L là người cho C vay 200.000 đồng. Khi vay tiền C không nói cho anh L biết để đi mua Hêrôin, vì vậy không có căn cứ để xử đối với anh L.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên là các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai khiếu nại hay có ý kiến gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, chứng minh cho hành vi phạm tội của nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và được chứng minh

bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong vật chứng; Bản kết luận giám định và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 14/6/2017, tại nhà Lê Ngọc H ở thôn B, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, Lê Ngọc C rủ Nguyễn Văn T và Lê Ngọc H mua ma túy về sử dụng chung và C đã đưa cho T 200.000 đồng để T và H đi mua ma túy. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày T và H mua được 01 gói ma túy, loại Hêrôin có trọng lượng 0,3189 gam (*không phải ba nghìn một trăm tám mươi chín gam*) mang về nhà Lê Ngọc H thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Các bị cáo đã biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[4] Về vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Lê Ngọc C là người khởi xướng và rủ rê các bị cáo khác mua ma túy về sử dụng, cũng là người chủ động chuẩn bị tiền nên bị cáo C có vai trò cao hơn. Bị cáo T tích cực thực hiện tội phạm, bị cáo H là người tàng trữ ma túy với thời gian lâu nhất, vì vậy, bị cáo T và H có vai trò ngang nhau và thấp hơn bị cáo C.

Bị cáo C có nhân thân xấu. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo C có thời gian tham gia và đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự vì vậy bị cáo C được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt chính: So với quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 thì quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi hơn cho người phạm tội nên cần áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo cần thiết phải xử phạt mức hình phạt nghiêm khắc với hành vi phạm tội của các bị cáo và phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Bị cáo C có thêm một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nên xử phạt ba bị cáo mức án bằng nhau là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng, không có mục đích kiếm lời nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 0,3066 gam ma túy, loại Hêrôin thu của các bị cáo được hoàn lại sau giám định.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động Nokia màu đen của Nguyễn Văn T và Lê Ngọc H.

Đối với xe mô tô biển số đăng ký 17B9-xxxx thu của bị cáo C, chị Trần Thị Thanh H đã xuất trình tài liệu chứng cứ là chủ sở hữu của chiếc xe, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Vũ Thư đã trả cho chị H là đúng quy định nên cần được chấp nhận.

Đối với xe mô tô biển đăng ký 17H1-xxxx thu của bị cáo T, xe đăng ký mang tên anh Nguyễn Văn M, trú tại xã T, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Quá trình điều tra T khai nhận mua của chị Nguyễn Thị H cùng thôn với T nhưng T không xuất trình được giấy tờ mua bán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư tách ra xử lý sau là phù hợp cần chấp nhận.

[6] Về các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho các bị cáo, quá trình điều tra chưa xác định được người phụ nữ này để xử lý, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Mai Xuân L là người cho C vay 200.000 đồng. Khi vay tiền C không nói cho anh L biết để đi mua Hêrôin, vì vậy không có căn cứ để xử đối với anh L.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Lê Ngọc C, Nguyễn Văn T và Lê Ngọc H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2/ Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 249; Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với riêng bị cáo C):

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2017.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2017.

3/ Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 0,3066 gam ma túy, loại Hêrôin thu của các bị cáo được hoàn lại sau giám định và bao gói trong bao niêm phong số 239/KLGĐ ngày 15/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

- Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước 02 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen của Nguyễn Văn T và Lê Ngọc H (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư).

- Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đã trả cho chị Trần Thị Thanh H chiếc xe mô tô biển số đăng ký 17B9-xxxx.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tách ra xử lý sau đối với xe mô tô biển đăng ký 17H1-xxxx thu của bị cáo T.

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo: Lê Ngọc C, Nguyễn Văn T và Lê Ngọc H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/9/2017.

Nơi nhận

- Các bị cáo;
- Chị H;
- Công an huyện Vũ Thư, Thái Bình
- .- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, Thái Bình;
- Tòa án tỉnh Thái Bình.
- Sở Tư pháp,
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)